

**CÔNG TY TNHH HOA TƯƠI LÊ LẨM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HOA TƯƠI LÊ LẨM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LE LAM FRESH FLOWERS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LE LAM FLOWERS CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702835333

**3. Ngày thành lập:** 04/12/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 261 đường Đại Lộ Bình Dương, Khu phố 12, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3811 711-0983 844 800 Fax:

Email: [htlelam@gmail.com](mailto:htlelam@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Mua bán hoa tươi, trái cây, nông sản thực phẩm....                                                                                                                           | 4620(Chính) |
| 2.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa, trái cây, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) | 4773        |
| 3.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Dịch vụ cắm hoa, trái cây, trang trí phong cảnh. Dịch vụ cắm hoa; Hoạt động trang trí nội, ngoại thất.                                                                                                               | 7410        |
| 4.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan<br>Chi tiết: Chăm sóc hoa.                                                                                                                                                                                                 | 8130        |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán nguyên phụ liệu ngành sản xuất hoa.                                                                                                                                                       | 4669        |
| 6.  | Sản xuất các loại bánh từ bột<br>Chi tiết: Sản xuất bánh kem, bánh bông lan, bánh bao, bánh mì                                                                                                                                                                   | 1071        |
| 7.  | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo<br>Chi tiết: Sản xuất, mua bán bánh kem, bánh ngọt, bánh bông lan (theo QĐ 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018)                                                                                                                    | 1073        |
| 8.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                    | 1062        |
| 9.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa<br>Chi tiết: Sản xuất kem. Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                               | 1050        |
| 10. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                          | 4789        |
| 11. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                     | 1030        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn rau, quả, củ sạch; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột                                                                                        | 4632 |
| 13. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh | 4722 |
| 14. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                        | 4633 |
| 15. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                          | 4723 |
| 16. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                 | 5630 |
| 17. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                | 4761 |
| 18. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                        | 8292 |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                        | 5610 |
| 20. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                    | 4711 |
| 21. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh     | 4721 |
| 22. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                   | 1075 |
| 23. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                          | 1079 |
| 24. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                    | 5629 |
| 25. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô.                                                                                                                                                                                                      | 7710 |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                        | 4932 |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                          | 4933 |
| 28. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                     | 4931 |
| 29. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (không kinh doanh kho bãi)                                                                                                                                                                    | 5210 |
| 30. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                        | 5224 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                 | 5225 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                     | 5229 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VND

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN VŨ HẢI Giới tính: Nam  
Chức danh: *Chủ tịch công ty kiêm giám đốc*  
Sinh ngày: 20/09/1988 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: 371207942  
Ngày cấp: 02/07/2019 Nơi cấp: Công an Tỉnh Kiên Giang  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ấp Phú Hưởng, Xã Đông Thái, Huyện An Biên, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *Số 261 đường Đại Lộ Bình Dương, Khu phố 12, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương